

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

NGÔ HOÀNG MAI

**DẠY HỌC CÁC BÀI LÍ THUYẾT HOẠT ĐỘNG GIAO
TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ TRONG CHƯƠNG TRÌNH
NGỮ VĂN THPT**

Chuyên ngành : Lí luận và phương pháp dạy học Văn - Tiếng Việt

Mã số : 60.14.10

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS Lê A

THÁI NGUYÊN - 2010

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| MỞ ĐẦU | 1 |
| 1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI | 4 |
| 2. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU..... | 5 |
| 3. LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU | 6 |
| 4. MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU | 11 |
| 5. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC | 12 |
| 6. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU | 12 |
| 7. CẤU TRÚC CỦA LUẬN VĂN | 13 |
| NỘI DUNG | 15 |
| Chương 1 | 15 |
| CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC DẠY HỌC CÁC BÀI LÍ THUYẾT HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ TRONG CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN THPT..... | 15 |
| 1.1. GIAO TIẾP VÀ HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ..... | 15 |
| 1.1.1 <i>Khái niệm về giao tiếp và hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ</i> | 15 |
| 1.1.2. Các chức năng của giao tiếp | 16 |
| 1.1.3. <i>Các nhân tố của hoạt động giao tiếp</i> | 17 |
| 1.1.4. <i>Các mặt (quá trình) của hoạt động giao tiếp</i> | 22 |
| 1.1.5. <i>Các dạng của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ</i> | 24 |
| 1.2. DẠY HỌC TIẾNG VIỆT THEO QUAN ĐIỂM GIAO TIẾP | 25 |
| 1.2.1. <i>Quan niệm về dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp</i> | 25 |
| 1.2.2. <i>Sự thể hiện của quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt</i> | 26 |
| 1.3. THỰC TRẠNG DẠY HỌC CÁC BÀI LÝ THUYẾT HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ Ở TRƯỜNG THPT | 35 |
| 1.3.1. <i>Khảo sát thực trạng dạy học các bài lý thuyết hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ</i> | 35 |
| Chương 2 | 45 |
| TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC BÀI LÝ THUYẾT HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ THEO QUAN ĐIỂM GIAO TIẾP | 45 |
| 2.1. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU DẠY HỌC CÁC BÀI LÝ THUYẾT HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ THEO QUAN ĐIỂM GIAO TIẾP | 45 |
| 2.1.1. <i>Mục tiêu về tri thức</i> | 47 |
| 2.1.2. <i>Mục tiêu về kỹ năng</i> | 48 |
| 2.1.3. <i>Mục tiêu về thái độ</i> | 49 |

| | |
|---|-----|
| 2.2. NỘI DUNG DẠY HỌC CÁC BÀI LÝ THUYẾT HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ THEO QUAN ĐIỂM GIAO TIẾP | 50 |
| 2.2.1. <i>Quan điểm giao tiếp với việc lựa chọn các tri thức lý thuyết hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ</i> | 50 |
| 2.2.2. <i>Quan điểm giao tiếp với việc xác định các kỹ năng sử dụng tiếng Việt cần rèn luyện cho học sinh.....</i> | 54 |
| 2.3. XÁC ĐỊNH VÀ LỰA CHỌN CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC BÀI LÝ THUYẾT HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ THEO QUAN ĐIỂM GIAO TIẾP | 59 |
| 2.3.1. <i>Định hướng chung về dạy học các bài lý thuyết hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ theo hướng giao tiếp.....</i> | 59 |
| 2.3.2. <i>Lựa chọn các phương pháp dạy học</i> | 62 |
| 2.3.3. <i>Lựa chọn các hình thức dạy học.....</i> | 70 |
| 2.4. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ THEO QUAN ĐIỂM GIAO TIẾP | 77 |
| 2.4.1. <i>Quan điểm kiểm tra đánh giá mới</i> | 77 |
| 2.4.2. <i>Nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học các bài lý thuyết hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ theo quan điểm giao tiếp</i> | 79 |
| 2.4.3. <i>Hình thức kiểm tra, đánh giá.....</i> | 82 |
| 2.4.4. <i>Xử lý kết quả kiểm tra, đánh giá.....</i> | 84 |
| CHƯƠNG 3 | 86 |
| THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM | 86 |
| 3.1. MỤC ĐÍCH THỰC NGHIỆM | 86 |
| 3.2. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐỊA BÀN THỰC NGHIỆM | 87 |
| 3.3. THIẾT KẾ GIÁO ÁN THỰC NGHIỆM..... | 88 |
| 3.3.1. <i>Thiết kế giáo án thực nghiệm bài Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ</i> | 89 |
| 3.3.2. <i>Thiết kế giáo án thực nghiệm bài Ngữ cảnh</i> | 105 |
| 3.4. TỔ CHỨC THỰC NGHIỆM | 123 |
| 3.4.1. <i>Nội dung thực nghiệm</i> | 123 |
| 3.4.2. <i>Cách thức tiến hành thực nghiệm.....</i> | 123 |
| 3.5. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM | 123 |
| 3.5.1. <i>Kết quả thực nghiệm</i> | 123 |
| 3.5.2. <i>Những nhận xét, đánh giá bước đầu.....</i> | 127 |
| KẾT LUẬN..... | 128 |

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

1.1. Trong những năm gần đây, phân môn Tiếng Việt đã có được vai trò thích đáng ở các bậc giáo dục phổ thông. Phân môn Tiếng Việt có nhiệm vụ cung cấp cho học sinh những tri thức ngôn ngữ học, hệ thống tiếng Việt, quy tắc hoạt động và hình thành, nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong mọi hoạt động giao tiếp. Trong quan hệ liên môn, Tiếng Việt giữ vai trò là môn “công cụ” giúp học sinh tiếp nhận và diễn đạt tốt các thông tin khoa học được giảng dạy ở nhà trường. Cùng với ý nghĩa đó, ngày càng có nhiều luận văn, luận án quan tâm nghiên cứu Tiếng Việt và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở THPT.

1.2. Các bài lí thuyết hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ trong chương trình Ngữ văn THPT cung cấp cho học sinh những tri thức, trên cơ sở đó, học sinh có thể sử dụng tiếng Việt vào giao tiếp, điều này cực kì quan trọng giúp học sinh có kỹ năng giao tiếp xã hội trong thời hội nhập kinh tế. Ở trường phổ thông thường đề cao quan điểm dạy học Tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp, hướng vào giao tiếp nhưng học sinh không biết giao tiếp là gì, các nhân tố giao tiếp có chi phối, ảnh hưởng và chế định lẫn nhau như thế nào?... Vậy các bài lí thuyết hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ cung cấp cho các em những lí thuyết cơ sở để học các bài về tiếng Việt theo định hướng giao tiếp, để sử dụng tiếng Việt tốt hơn, đạt hiệu quả cao hơn và tác động trực tiếp đến hiệu quả và chất lượng dạy học Tiếng Việt ở trường phổ thông.

1.3. Năm học 2006 – 2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã áp dụng thay sách giáo khoa bậc THPT trên toàn quốc, nó phản ánh phân môn Tiếng Việt hiện hành đã đáp ứng các yêu cầu kinh tế, xã hội, phương pháp dạy học ... để tiếng Việt trở thành công cụ đắc lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội và giáo

dục. Việc dạy tiếng Việt phải nhằm vào cả hai chức năng của ngôn ngữ (công cụ của tư duy và công cụ của giao tiếp), phải chú trọng vào cả bốn kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết), phải hướng vào sự giao tiếp và sử dụng phương pháp giao tiếp. Các bài lí thuyết hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ lần đầu tiên được đưa vào chương trình, lại rất nặng về lí thuyết nên gây khó khăn các em trong quá trình tiếp nhận. Những bài này có tính chất khái quát, trừu tượng cao nên dễ rơi vào hiện tượng quá tải, giáo viên sa đà vào dạy lí thuyết thuần túy, đậm tính hàn lâm, kinh viện. Do đó, việc nghiên cứu phương pháp nhằm gỡ bỏ những khó khăn trên là hết sức cần thiết.

1.4. Sự thay đổi chương trình và sách giáo khoa hiện hành đòi hỏi phải có những phương pháp dạy học phù hợp. Tình hình thực tế cho thấy cả giáo viên và học sinh đều lung túng, khó khăn khi dạy và học các bài lí thuyết hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ. Vì vậy, cần có những công trình khoa học nghiên cứu về phương pháp tổ chức dạy học những bài này để giúp giáo viên đổi mới phương pháp dạy học.

Xuất phát từ những quan điểm nói trên và thông qua thực tiễn dạy học, chúng tôi chọn đề tài cho luận văn của mình là: “***Dạy học các bài lí thuyết hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ trong chương trình Ngữ Văn THPT***”.

2. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu lí thuyết về giao tiếp và hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ nói chung và nghiên cứu việc tổ chức dạy học các bài lí thuyết hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ trong chương trình Ngữ văn THPT.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

Lí thuyết hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ là một lĩnh vực rất rộng, luận văn này tập trung nghiên cứu cách tổ chức dạy học các bài :

- Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ (SGK Ngữ văn 10 - Tập 1).

- Ngữ cảnh (SGK Ngữ văn 11 - Tập 1).
- Nhân vật giao tiếp (SGK Ngữ văn 12 - Tập 2).

3. LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU

Trước những năm 80 của thế kỉ XX, Tiếng Việt nói chung chưa thực sự giữ vị trí xứng đáng trong nhà trường phổ thông. Từ sau cuộc cải cách giáo dục năm 1981, bộ môn này dần dần khẳng định được vai trò của mình. Tuy nhiên, phương pháp dạy học tiếng Việt thời gian đầu nhìn chung thiên về dạy cấu trúc và tập trung chủ yếu vào việc dạy của giáo viên nên hậu quả là học sinh không biết cách sử dụng tiếng mẹ đẻ vào giao tiếp như thế nào cho phù hợp và đạt hiệu quả cao, không biết nên “lựa lời mà nói” làm sao cho “vừa lòng nhau”.

Đứng trước tình hình đó cùng với những thành tựu của ngành Dạy học và xu thế hội nhập toàn diện của đất nước ta, những phương pháp dạy học tập trung vào người học, vào kĩ năng sử dụng tiếng Việt của học sinh bắt đầu được giới thiệu và triển khai vào cuối những năm 80, đầu những năm 90 của thế kỉ trước. Do đó, nội dung chương trình Tiếng Việt trong sách giáo khoa THPT đưa vào phần giao tiếp và hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giúp các em có kĩ năng, kĩ xảo sử dụng tiếng Việt trong việc lựa chọn lời nói, câu văn của mình.

Như chúng ta đã biết, từ năm học 2006 – 2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện chương trình thay sách giáo khoa THPT trên toàn quốc. Các bài lí thuyết hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ đã được chú trọng hơn. Chúng tôi có so sánh sau để thấy rõ điều vừa khẳng định: Số tiết dành cho nội dung hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ trong sách giáo khoa cải cách là 3/66 tiết Tiếng Việt trong chương trình THPT (chiếm khoảng 4,54%); còn với sách giáo khoa hiện hành, thời lượng đã được tăng lên là 6/60 tiết Tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn THPT (chiếm 10%).

3.1. Quan điểm giao tiếp trong dạy học Tiếng Việt

Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp là vấn đề được nhiều người quan tâm:

Theo tác giả Lê A, “*quan điểm giao tiếp là quan điểm cơ bản nhất trong việc tổ chức dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông*” [35, 5]

Nhóm tác giả cuốn *Phương pháp dạy học Tiếng Việt* khẳng định một nguyên tắc đặc thù của phương pháp dạy học Tiếng Việt là hướng vào hoạt động giao tiếp, xuất phát từ quan điểm giao tiếp như sau: “*Ngôn ngữ là hệ thống hoạt động chức năng, tách khỏi hoạt động chức năng thì nó không còn sức sống, sẽ trở thành một hệ thống khô cứng....Muốn hình thành các kỹ năng và kỹ xảo ngôn ngữ, học sinh phải trực tiếp tham gia vào hoạt động giao tiếp. Việc lĩnh hội lời nói của người khác, sản sinh ra các lời nói đúng và hay vừa là phương tiện đồng thời vừa là mục đích của bộ môn Tiếng Việt ở nhà trường phổ thông.*

...Phương hướng tốt nhất để dạy các đơn vị ngôn ngữ trong hoạt động hành chức là phải tìm mọi cách hướng học sinh vào hoạt động nói năng....Học tiếng Việt, học sinh không phải chủ yếu chỉ nghiên cứu về nó mà phải biết cách sử dụng thành thạo vũ khí này vào tư duy và giao tiếp. Thầy giáo phải tìm mọi cách để hướng các em học sinh vào hoạt động nói năng...”

Trong cuốn *Hoạt động giao tiếp với dạy học tiếng Việt ở Tiểu học*, tác giả khẳng định “*Do ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của loài người (và tiếng Việt là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của người Việt Nam), dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp là một định hướng đúng đắn*” [20,70].

Nhà nghiên cứu Bùi Minh Toán cũng đánh giá rất cao quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt:

“ 1- Quan điểm giao tiếp trong dạy học ngôn ngữ (tiếng Việt) xuất phát từ đặc trưng bản chất của đối tượng và phù hợp với đối tượng. Bởi vì như đã biết, ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người, có chức năng cơ bản nhất là chức năng giao tiếp. Ngôn ngữ vừa tồn tại trong trạng thái tĩnh như một hệ thống - kết cấu tiềm ẩn trong năng lực ngôn ngữ của mỗi người, đồng thời nó cần phải hoạt động để thực hiện chức năng giao tiếp. Trong hoạt động giao tiếp, ngôn ngữ vừa là phương tiện, vừa tạo ra sản phẩm phục vụ cho giao tiếp. Dạy học ngôn ngữ theo quan điểm giao tiếp chính là dạy về cái phương tiện giao tiếp quan trọng nhất này của con người.

2- Quan điểm giao tiếp cũng phù hợp với mục tiêu của môn học: Môn ngôn ngữ nói chung và môn Tiếng Việt nói riêng không phải chỉ có mục đích trang bị kiến thức khoa học về ngôn ngữ, về tiếng Việt cho học sinh, mà điều quan trọng là rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt trong các hoạt động tư duy, giao tiếp ...

3- Quan điểm giao tiếp trong môn ngôn ngữ được thể hiện cả trong nội dung dạy học, cả trong phương pháp dạy học bộ môn....”[15, 232] .

Trong bài viết Lý thuyết hoạt động ngôn ngữ và việc dạy tiếng Việt ở nhà trường phổ thông, tác giả Lý Toàn Thắng cho rằng “trong dạy học tiếng Việt, dù là dạy phần gì, cần phải quán triệt quan điểm “hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ”, luôn luôn cần phải xuất phát từ hoạt động giao tiếp để định hướng việc dạy về từ, về câu; nhằm tới việc rèn luyện những kỹ năng dùng từ, đặt câu; chú trọng việc thực hành, tạo lập các sản phẩm giao tiếp (câu văn, đoạn văn, lời văn) với những thao tác như xây dựng câu, rút gọn câu....” [32, 46].

Tác giả Nguyễn Trí đã đưa ra nhận định về dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp sau khi dày công nghiên cứu và khảo sát vấn đề dạy tiếng mẹ đẻ của nhiều nước trên thế giới rằng dạy ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, trong

đó dạy cả bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết là xu hướng chung của việc dạy tiếng mẹ đẻ của nhiều nước trên thế giới và dạy ngôn ngữ ở dạng nói, viết trong giao tiếp và để giao tiếp là xu hướng hiện đại trong việc dạy tiếng mẹ đẻ mà nhiều nước đang phấn đấu để thực hiện. Nguyễn Trí khẳng định “*Tóm lại, chương trình dạy tiếng mẹ đẻ của các nước trên thế giới đều xây dựng theo phương hướng lấy giao tiếp làm môi trường và phương pháp học tập, lấy việc phục vụ giao tiếp làm nhiệm vụ và mục đích. Chương trình nào cũng dạy cả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết trong đó ngôn ngữ viết là trọng tâm. Theo xu hướng này, chương trình nào cũng coi trọng cả bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết nhưng không quên nền tảng của nó là các kiến thức ngôn ngữ. Chương trình nào cũng chú ý rèn luyện các kĩ năng bộ phận khi nghe, nói, đọc, viết đồng thời chú ý rèn luyện tổng hợp các kĩ năng đó trong quá trình sử dụng lời nói để giao tiếp. Từ đó dần dần tạo nên sự chuyển hoá về chất, biến các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết thành năng lực lời nói cá nhân*”.

Ngoài ra, có một số bài nghiên cứu về quan điểm giao tiếp trong các tạp chí chuyên ngành, các sách bồi dưỡng giáo viên đều cho thấy sự phù hợp của quan điểm này đối với dạy học Tiếng Việt. Rõ ràng có mối quan hệ rất chặt chẽ giữa học và hành, giữa biết và làm, gắn những cái học được vào thực tiễn trong quan điểm giao tiếp. Để học sinh nắm vững tri thức cách tốt nhất là để các em được hoạt động, được làm, như tục ngữ Việt Nam có câu “trăm hay không bằng tay quen”, hay như người Trung Quốc thường nói “nghe thì quên, nhìn thì nhớ, làm thì biết”.

3.2. Vấn đề tổ chức dạy học các bài lí thuyết hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ theo quan điểm giao tiếp

Dạy học các bài lí thuyết hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ được tổ chức theo những nguyên tắc, phương pháp chung của dạy học Tiếng Việt. Cuốn *Phương pháp dạy học tiếng Việt* đã thể hiện rất rõ những vấn đề này.

Tuy vậy, tài liệu mới chỉ bàn một cách chung chung về phương pháp dạy học những vấn đề lí thuyết chung về tiếng Việt, việc dạy học các bài lí thuyết hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ trong phạm vi nghiên cứu của luận văn chưa có định hướng cụ thể.

Những định hướng trong sách giáo viên Ngữ văn 10, 11, 12 về phương pháp và tiến trình tổ chức dạy học các bài lí thuyết hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ thể hiện khá rõ quan điểm giao tiếp. Đó là hướng dẫn tiến hành bài học theo hướng qui nạp: từ ngữ liệu cụ thể về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, học sinh tìm hiểu để hình thành kiến thức và nâng cao kĩ năng giao tiếp, giáo viên cho học sinh phân tích các ngữ liệu theo hệ thống câu hỏi rồi rút ra nhận định như ở phần ghi nhớ trong sách giáo khoa, để củng cố, nâng cao kiến thức, kĩ năng, học sinh cần làm các bài tập thực hành ở phần luyện tập, giáo viên có thể cho học sinh giải bài tập theo từng cá nhân hoặc theo nhóm, tổ và cuối cùng chốt lại theo hướng dẫn giải bài tập trong sách giáo viên.

Ngoài ra, quan điểm giao tiếp còn được thể hiện qua việc giáo viên được khuyến khích sử dụng các ngữ liệu gần gũi với lời ăn, tiếng nói của học sinh từng vùng, miền mà không bắt buộc dùng các ngữ liệu trong sách giáo khoa để các em tiếp thu bài học dễ dàng hơn.

Sách giáo khoa và sách bài tập Ngữ văn tạo điều kiện cho học sinh được thực hành, được làm, được giao tiếp thể hiện qua việc dành phần lớn thời lượng cho luyện tập, thực hành dù đây là các bài thiên về hình thành tri thức mới. Nội dung luyện tập trong sách giáo khoa và sách bài tập khá đa dạng và phong phú giúp người học nâng cao cả bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết.

Tuy nhiên, định hướng tổ chức dạy học các bài lí thuyết hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ theo quan điểm giao tiếp mới được thể hiện một cách chung chung và khái quát, không có định hướng cụ thể cho việc chiếm lĩnh từng vấn đề lí thuyết theo yêu cầu.